

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy tắc chỉ số các cổ phiếu Kim cương Việt Nam “Vietnam Diamond Index” phiên bản 3.1

CHỦ TỊCH CÔNG TY SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-HĐTV ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 67/QĐ-HĐTV ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý, vận hành và khai thác các chỉ số chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và công ty con;

Căn cứ Công văn số 1314/SGDVN-CLPT ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về việc chấp thuận và phân quyền ban hành các Quy tắc chỉ số tổ chức lại của HOSE;

Theo đề nghị của Tổng giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy tắc chỉ số các cổ phiếu Kim cương Việt Nam “Vietnam Diamond Index” phiên bản 3.1.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 502/QĐ-SGDHCM ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tổng giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy tắc xây dựng và quản lý chỉ số các cổ phiếu Kim cương Việt Nam “Vietnam Diamond Index” phiên bản 3.0.



Điều 3. Ban Điều hành, Giám đốc phòng Thông tin thị trường, Giám đốc các đơn vị thuộc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBCKNN, VNX (để báo cáo);
- Lưu: VT, TTTT (5.).

Q. CHỦ TỊCH CÔNG TY



Trịnh Sơn Hồng



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



QUY TẮC CHỈ SỐ CÁC CỔ PHIẾU
KIM CƯƠNG VIỆT NAM
VIETNAM DIAMOND INDEX

Phiên bản 3.1

(Kèm theo Quyết định số 741/QĐ-SGDHCM ngày 29 tháng 9 năm 2026 của
Chủ tịch công ty Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh)

Thành phố Hồ Chí Minh

Tháng 9 - 2026

MỤC LỤC

1. GIỚI THIỆU CHUNG	4
2. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CHỈ SỐ	4
3. ĐỊNH NGHĨA ÁP DỤNG	5
4. SÀNG LỌC RỎ CHỈ SỐ ĐỊNH KỲ	6
5. CÁC ĐIỀU CHỈNH TRONG KỲ ĐỐI VỚI RỎ CHỈ SỐ	9
6. PHƯƠNG PHÁP TÍNH TOÁN CHỈ SỐ	9
7. THÔNG TIN LIÊN HỆ	10



LỊCH SỬ THAY ĐỔI QUY TẮC CHỈ SỐ

Phiên bản	Nội dung
3.1	- Cấu trúc lại Quy tắc xây dựng và quản lý chỉ số VNDIAMOND phiên bản 3.0. - Bổ sung trường hợp rõ chỉ số sẽ tiếp tục được cập nhật, loại các cổ phiếu trước Ngày hiệu lực (diện cảnh báo do vi phạm công bố thông tin) để thống nhất theo quy định tại Quy tắc chung cho các chỉ số chứng khoán tại HOSE.

1. GIỚI THIỆU CHUNG

- 1.1. Quy tắc Chỉ số các cổ phiếu Kim cương Việt Nam (tên đầy đủ tiếng Anh là Vietnam Diamond Index, tên viết tắt là Chỉ số VNDIAMOND) được ban hành sau khi được Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam (viết tắt là VNX) phê duyệt, quy định các quy tắc để làm cơ sở cho việc quản lý và vận hành chỉ số VNDIAMOND hàng ngày của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là HOSE) theo phân quyền của VNX.
- 1.2. Quy tắc chỉ số này có thể được sửa đổi, bổ sung, hoặc hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ tại bất kỳ thời điểm nào. Việc sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ các quy tắc có thể dẫn đến những thay đổi trong việc xây dựng và quản lý chỉ số hoặc ảnh hưởng trực tiếp đến các chỉ số.
- 1.3. Quyền sở hữu trí tuệ đối với Quy tắc này và chỉ số bao gồm tên, thành phần và việc tính toán chỉ số thuộc về VNX, HOSE. Ngoại trừ các trường hợp không phải xin phép và trường hợp ngoại lệ theo quy định tại Luật Sở hữu trí tuệ, việc sao chép một phần hay toàn bộ Quy tắc chỉ số này mà chưa có sự cho phép của VNX hoặc HOSE đều bị coi là xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ và sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.
- 1.4. Ngoại trừ các nội dung được nêu cụ thể tại Quy tắc chỉ số này, tất cả những nội dung liên quan được thực hiện theo quy định tại Quy tắc chung cho các chỉ số chứng khoán tại HOSE (Quy tắc chỉ số chung của HOSE).

2. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CHỈ SỐ

- 2.1. Chỉ số VNDIAMOND là chỉ số đầu tư, bao gồm tối thiểu 10 cổ phiếu thành phần được lựa chọn từ các cổ phiếu niêm yết trên HOSE và đáp ứng các tiêu chí sàng lọc chỉ số.
- 2.2. Chỉ số giá VNDIAMOND được tính toán dựa trên giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh tỷ lệ free-float và có áp dụng giới hạn tỷ trọng vốn hóa (đối với cổ phiếu đơn lẻ và nhóm các cổ phiếu cùng ngành) và các giới hạn trọng số khác của cổ phiếu.
Chỉ số giá được tính toán theo thời gian thực và công bố 5 giây/lần vào tất cả các ngày giao dịch.
- 2.3. Chỉ số tổng thu nhập VNDIAMOND TRI được tính toán dựa trên chỉ số gốc là Chỉ số giá VNDIAMOND, thể hiện biến động giá và giá trị cổ tức của các cổ phiếu thành phần được tái đầu tư vào chỉ số.
Chỉ số tổng thu nhập được tính toán một lần và công bố vào thời điểm cuối ngày giao dịch.
- 2.4. Điểm cơ sở của chỉ số là 1.000. Ngày cơ sở của chỉ số là ngày 15/11/2019.

2.5. Danh mục cổ phiếu thành phần của chỉ số (rổ chỉ số) được:

- Xem xét định kỳ bán niên vào kỳ tháng 4 và tháng 10.
- Cập nhật thông tin (tỷ lệ free-float, khối lượng lưu hành tính chỉ số, giới hạn tỷ trọng vốn hóa, giới hạn trọng số của cổ phiếu, danh mục cổ phiếu thành phần (nếu có)) hàng quý vào kỳ tháng 1, tháng 4, tháng 7 và tháng 10.

Tham khảo quy định chi tiết về **Ngày chốt dữ liệu, Ngày công bố kết quả và Ngày hiệu lực** của các kỳ xem xét định kỳ/cập nhật thông tin tại Mục **Định nghĩa áp dụng** Quy tắc chỉ số chung của HOSE.

3. ĐỊNH NGHĨA ÁP DỤNG

- Rổ chỉ số VNAllshare là danh sách cổ phiếu thành phần hiện hành của chỉ số VNAllshare được xác định theo Quy tắc chỉ số VNAllshare.
- Giá trị giao dịch khớp lệnh (GTGD_KL), Giá trị vốn hóa điều chỉnh free-float (GTVH_f), chuẩn phân ngành GICS®: tham khảo **Định nghĩa áp dụng** tại Quy tắc chỉ số chung của HOSE.
- Cổ phiếu được xác định thuộc nhóm Ngân hàng và ngoài Ngân hàng theo phân ngành cấp 2 thuộc chuẩn phân ngành GICS®.
- FOL_i được tính bằng trung bình của 12 giá trị FOL_i tháng gần nhất.
- FOL_i tháng là hệ số giữa tỷ lệ đang nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tại ngày giao dịch cuối cùng trong từng tháng so với tỷ lệ sở hữu tối đa điều chỉnh của cổ phiếu i, được xác định theo công thức sau:

$$FOL_i \text{ tháng} = \text{Total_Foreign_Per_Shr_AM}_i / \text{Foreign_Limit_Adjust} (\%)_i$$

Trong đó:

- $\text{Total_Foreign_Per_Shr_AM}_i$ là tỷ lệ đang nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tại ngày giao dịch cuối cùng trong tháng của cổ phiếu i. Giá trị này là tỷ lệ sở hữu thực tế của nhà đầu tư nước ngoài do VSDC công bố tại ngày giao dịch cuối cùng trong tháng.
- $\text{Foreign_Limit_Adjust} (\%)_i$ là tỷ lệ sở hữu tối đa điều chỉnh của nhà đầu tư nước ngoài tại ngày giao dịch cuối cùng trong tháng của cổ phiếu i, được xác định như sau:
 - Đối với cổ phiếu ngành Ngân hàng:

$$\text{Foreign_Limit_Adjust} (\%)_i = \max(\text{Foreign_Limit} (\%)_i, 20\%)$$
 - Đối với cổ phiếu ngoài ngành Ngân hàng:
 - Trường hợp $\text{Foreign_Limit} (\%)_i$ nhỏ hơn hoặc bằng 50%:

$$\text{Foreign_Limit_Adjust} (\%)_i = 50\%$$

- Trường hợp $\text{Foreign_Limit}(\%)_i$ lớn hơn 50%:

$$\text{Foreign_Limit_Adjust}(\%)_i = 100\%$$

Với $\text{Foreign_Limit}(\%)_i$ là tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài do VSDC công bố tại ngày giao dịch cuối cùng trong tháng của cổ phiếu i .

- Lợi nhuận sau thuế trên mỗi cổ phiếu (EPS) là tỷ lệ giữa tổng lợi nhuận sau thuế của 12 quý gần nhất có dữ liệu công bố thông tin so với khối lượng lưu hành điều chỉnh bình quân ngày của cổ phiếu đang niêm yết tại HOSE và được điều chỉnh bình quân năm. Đối với cổ phiếu niêm yết mới hoặc chuyển sàn sang HOSE, số quý được tính bằng số quý niêm yết thực tế trên HOSE.
- Hệ số P/E là hệ số giữa giá đóng cửa cổ phiếu tại thời điểm xem xét dữ liệu so với EPS.
- Hệ số P/E bình quân là trung bình P/E của các cổ phiếu thỏa mãn điều kiện sau Bước 5 của Mục 4.1 Quy tắc này, ngoại trừ P/E của các cổ phiếu có giá trị âm hoặc lớn hơn 100.

Hệ số P/E bình quân được tính toán cho hai nhóm cổ phiếu: nhóm Ngân hàng và nhóm ngoài Ngân hàng.

4. SÀNG LỌC RỎ CHỈ SỐ ĐỊNH KỲ

4.1. Các bước sàng lọc rõ chỉ số định kỳ

Bước 1: Tập hợp các cổ phiếu xem xét bao gồm:

- Rỏ chỉ số VNAllshare, hoặc
- Các cổ phiếu nằm ngoài rõ chỉ số VNAllshare phải đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
 - ✓ Cổ phiếu không thuộc diện cảnh báo, kiểm soát, hạn chế giao dịch, tạm ngừng giao dịch (*ngoại trừ tạm ngừng giao dịch do thực hiện các sự kiện doanh nghiệp như tách/gộp cổ phiếu, chia tách/sáp nhập, ... dưới 30 ngày giao dịch*), đình chỉ giao dịch trong vòng 03 tháng tính đến Ngày chốt dữ liệu.
 - ✓ Có tối thiểu 03 tháng niêm yết và giao dịch trên HOSE tính đến Ngày chốt dữ liệu.
 - ✓ $\text{GTVH}_f \geq 5.000$ tỷ đồng.
 - ✓ $\text{GTGD_KL} \geq 15$ tỷ đồng/ngày.

Bước 2: Từ danh sách cổ phiếu thỏa mãn điều kiện sau Bước 1, chọn các mã cổ phiếu có $\text{GTVH}_f \geq 2.000$ tỷ đồng.

Trường hợp có dưới 50 mã cổ phiếu thỏa mãn điều kiện sau Bước 2, chọn thêm các mã cổ phiếu theo thứ tự GTVH_f giảm dần từ danh sách cổ phiếu thỏa mãn điều kiện sau Bước 1 sao cho đủ 50 mã cổ phiếu.

Bước 3: Từ danh sách cổ phiếu thỏa mãn điều kiện sau Bước 2, chọn các cổ phiếu thỏa mãn một trong hai điều kiện sau:

- Cổ phiếu không thuộc rổ chỉ số của kỳ liền trước: $GTGD_KL \geq 20$ tỷ đồng/ngày; *hoặc*
- Cổ phiếu thuộc rổ chỉ số của kỳ liền trước: $GTGD_KL \geq 10$ tỷ đồng/ngày.

Trường hợp có dưới 30 mã cổ phiếu thỏa mãn điều kiện sau Bước 3, chọn thêm các mã cổ phiếu theo thứ tự $GTGD_KL$ giảm dần từ danh sách cổ phiếu thỏa mãn điều kiện sau Bước 2 sao cho đủ 30 mã cổ phiếu.

Bước 4: Từ danh sách cổ phiếu thỏa mãn điều kiện sau Bước 3, chọn 25 mã cổ phiếu có hệ số FOL cao nhất (ưu tiên $GTGD_KL$ cao hơn khi FOL bằng nhau).

Bước 5: Chọn thêm vào tập hợp xem xét các cổ phiếu thuộc rổ chỉ số của kỳ liền trước từ danh sách cổ phiếu thỏa mãn điều kiện sau Bước 3.

Bước 6: Từ danh sách cổ phiếu thỏa mãn điều kiện sau Bước 5, chọn các cổ phiếu thỏa mãn một trong hai điều kiện sau:

- Cổ phiếu không thuộc rổ chỉ số của kỳ liền trước: có $0 \leq P/E \leq 2$ lần P/E bình quân của nhóm đó (Ngân hàng/ngoài Ngân hàng); *hoặc*
- Cổ phiếu thuộc rổ chỉ số của kỳ liền trước: có $0 \leq P/E \leq 3$ lần P/E bình quân của nhóm đó (Ngân hàng/ngoài Ngân hàng).

Trường hợp có dưới 10 mã cổ phiếu thỏa mãn điều kiện sau Bước 6, tiếp tục chọn thêm các mã cổ phiếu cho đến khi đủ 10 mã cổ phiếu theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Ưu tiên cổ phiếu có $P/E \geq 0$, lựa chọn cổ phiếu có P/E theo thứ tự tăng dần, trong đó cổ phiếu thuộc rổ chỉ số của kỳ liền trước sẽ được xem xét trước, nếu không đủ 10 cổ phiếu thì sẽ xem xét đến các cổ phiếu mới.
- Trường hợp vẫn không đủ 10 cổ phiếu trong rổ chỉ số thì xem xét đến cổ phiếu có $P/E < 0$: lựa chọn cổ phiếu theo thứ tự P/E giảm dần.

Bước 7: Từ danh sách cổ phiếu thỏa mãn điều kiện sau Bước 6, chọn các cổ phiếu thỏa mãn một trong hai điều kiện sau:

- Cổ phiếu không thuộc rổ chỉ số của kỳ liền trước: $FOL \geq 95\%$; *hoặc*
- Cổ phiếu thuộc rổ chỉ số của kỳ liền trước: $FOL \geq 65\%$.

Trường hợp có dưới 10 mã cổ phiếu thỏa mãn điều kiện sau Bước 7, chọn thêm các mã cổ phiếu theo thứ tự FOL giảm dần từ danh sách cổ phiếu thỏa mãn điều kiện sau Bước 6 sao cho đủ 10 mã cổ phiếu.

Bước 8: Từ danh sách cổ phiếu thỏa mãn điều kiện sau Bước 7, tiếp tục xem xét như sau:

** Trường hợp có một nhóm cổ phiếu có cùng ngành bị áp dụng ngưỡng giới hạn tỷ trọng giá trị vốn hóa 40%:*

Nếu số cổ phiếu ngoài ngành này nhỏ hơn 08 mã cổ phiếu, thì lựa chọn thêm mã cổ phiếu ở ngoài ngành này có FOL cao nhất từ danh sách cổ phiếu thỏa mãn điều kiện sau Bước 6 sao cho đủ 08 mã cổ phiếu.

** Trường hợp có hai nhóm cổ phiếu có cùng ngành bị áp dụng ngưỡng giới hạn tỷ trọng giá trị vốn hóa 40%:*

Nếu số cổ phiếu ngoài hai ngành này nhỏ hơn 03 mã cổ phiếu, thì lựa chọn thêm mã cổ phiếu ở ngoài hai ngành này có FOL cao nhất từ danh sách cổ phiếu thỏa mãn điều kiện sau Bước 6 sao cho đủ 03 mã cổ phiếu.

Bước 9: Xác định rõ chỉ số chính thức theo các bước sau:

- Rõ cổ phiếu tạm tính kỳ này bao gồm các mã cổ phiếu thỏa mãn điều kiện sau Bước 7 và Bước 8 (nếu có).
- Rõ cổ phiếu chờ loại ra bao gồm các cổ phiếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:
 - ✓ Thuộc rõ chỉ số chính thức kỳ liền trước
 - ✓ Không thuộc rõ cổ phiếu chờ loại ra kỳ liền trước
 - ✓ Không thuộc rõ cổ phiếu tạm tính kỳ này
- Rõ cổ phiếu lần đầu vào chỉ số bao gồm:
 - Cổ phiếu thuộc rõ cổ phiếu tạm tính kỳ này nhưng không thuộc rõ chỉ số chính thức kỳ liền trước; *hoặc*
 - Cổ phiếu thuộc rõ cổ phiếu tạm tính kỳ này và thuộc rõ cổ phiếu chờ loại ra kỳ liền trước.
- Rõ cổ phiếu duy trì 2 kỳ liên tục (gọi tắt là rõ cổ phiếu duy trì) là các cổ phiếu thuộc rõ cổ phiếu tạm tính kỳ này nhưng không thuộc rõ cổ phiếu chờ loại ra và rõ cổ phiếu lần đầu vào chỉ số.
- Rõ chỉ số chính thức kỳ này bao gồm rõ cổ phiếu chờ loại ra, rõ cổ phiếu lần đầu vào chỉ số và rõ cổ phiếu duy trì.

4.2. Cập nhật rõ chỉ số trước Ngày hiệu lực

Rõ chỉ số sẽ tiếp tục được cập nhật, loại các cổ phiếu theo quy định **Cập nhật rõ chỉ số trước Ngày hiệu lực** tại Quy tắc chỉ số chung của HOSE.

Việc thay thế cổ phiếu bị loại sẽ tiến hành tương tự việc điều chỉnh trong kỳ quy định tại Mục 5.2 Quy tắc này.

5. CÁC ĐIỀU CHỈNH TRONG KỲ ĐỐI VỚI RỖ CHỈ SỐ

5.1. Rỗ chỉ số sẽ được điều chỉnh trong kỳ khi thuộc các trường hợp **Điều chỉnh trong kỳ đối với rỗ chỉ số** theo quy định tại Quy tắc chỉ số chung của HOSE.

5.2. Việc thay thế cổ phiếu bị loại sẽ được tiến hành như sau:

5.2.1. Nếu rỗ chỉ số chính thức còn lại dưới 10 cổ phiếu, lựa chọn cổ phiếu thay thế theo thứ tự FOL giảm dần (ưu tiên GTGD_KL cao hơn khi FOL bằng nhau) từ danh sách cổ phiếu thỏa mãn điều kiện sau Bước 4 của Mục 4.1 Quy tắc này tại kỳ xem xét định kỳ gần nhất cho đến khi đủ 10 cổ phiếu vào rỗ chỉ số chính thức.

Trường hợp sự thay đổi thành phần dẫn đến số lượng cổ phiếu ngoài ngành bị áp dụng ngưỡng giới hạn nhỏ hơn mức quy định tại Bước 8 của Mục 4.1 Quy tắc này thì việc bổ sung cổ phiếu sẽ thực hiện theo quy định tại Bước 8 của Mục 4.1 Quy tắc này đối với các cổ phiếu trong danh sách của kỳ xem xét định kỳ gần nhất.

5.2.2. Nếu rỗ chỉ số chính thức còn lại lớn hơn hoặc bằng 10 cổ phiếu, không bổ sung cổ phiếu thay thế cổ phiếu bị loại.

6. PHƯƠNG PHÁP TÍNH TOÁN CHỈ SỐ

6.1. Chỉ số giá VNDIAMOND và chỉ số tổng thu nhập VNDIAMOND TRI được tính toán theo **Phương pháp tính toán chỉ số giá** và **Phương pháp tính toán chỉ số tổng thu nhập** được quy định tại Quy tắc chỉ số chung của HOSE.

6.2. Giới hạn tỷ trọng vốn hóa của cổ phiếu (c)

Giới hạn tỷ trọng vốn hóa của cổ phiếu được tính theo quy định **Giới hạn tỷ trọng vốn hóa của cổ phiếu (c)** tại Quy tắc chỉ số chung của HOSE.

Áp dụng ngưỡng giới hạn tỷ trọng vốn hóa của các cổ phiếu thành phần chỉ số:

- Đối với một cổ phiếu đơn lẻ là 15%.
- Đối với nhóm các cổ phiếu cùng ngành (thuộc cùng một phân ngành cấp 2 theo chuẩn phân ngành GICS®) là 40%.

6.3. Giới hạn trọng số của cổ phiếu (g)

Giới hạn trọng số của cổ phiếu i (g_i) là tích của các giới hạn trọng số wS , $wFOL$ và wL của cổ phiếu i , được xác định như sau:

$$g_i = wS_i \times wFOL_i \times wL_i$$

Trong đó:

- wS_i : giới hạn trọng số đối với cổ phiếu duy trì, cổ phiếu lần đầu vào chỉ số hoặc cổ phiếu chờ loại ra, được xác định như sau:
 - Đối với cổ phiếu duy trì: $wS_i = 100\%$

- Đối với cổ phiếu lần đầu vào chỉ số: $wS_i = 50\%$
 - Đối với cổ phiếu chờ loại ra: $wS_i = 50\%$
- $wFOL_i$: giới hạn trọng số theo FOL của cổ phiếu i , được xác định như sau:

FOL	Dưới 70%	Từ 70% đến dưới 80%	Từ 80% đến dưới 90%	Từ 90% trở lên
$wFOL_i$	25%	50%	75%	100%

- wL_i : giới hạn trọng số theo thanh khoản của cổ phiếu i , được xác định như sau:

$GTGD_KL_i / GTVH_f_i$	Dưới 0,10%	Từ 0,10% đến dưới 0,15%	Từ 0,15% đến dưới 0,20%	Từ 0,20% trở lên
wL_i	25%	50%	75%	100%

7. THÔNG TIN LIÊN HỆ

Để biết thêm thông tin về phương pháp xây dựng, tính toán chỉ số, dịch vụ cấp quyền sử dụng chỉ số và cung cấp thông tin, vui lòng truy cập trang thông tin điện tử hoặc liên hệ phòng Thông tin thị trường – Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.



HOCHIMINH
STOCK EXCHANGE

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐỊA CHỈ: SỐ 16, ĐƯỜNG VÕ VĂN KIẾT, PHƯỜNG BẾN THÀNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

SỐ ĐT: (84-28) 38 217 713, SỐ FAX: (84-28) 38 217 452

WEBSITE: <https://www.hsx.vn>

EMAIL: index@hsx.vn